**Chú ý** : Không thay đổi tiêu đề các cột của bảng, các cột bôi đỏ là bắt buộc điền

Cách điền các cột như sau:

* Loại câu hỏi: Đúng/Sai, Một lựa chọn, Nhiều lựa chọn, Câu tự luận, Câu hỏi chùm (câu dẫn), Điền khuyết, Kéo thả.
* Độ khó: Dễ, Trung bình, Khó, Rất khó.
* Mức độ nhận thức: ➊ Nhận biết, ➋ Thông hiểu, ➌ Vận dụng, ➍ Vận dụng cao. Người dùng có thể chỉ cần nhập Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao tương ứng đều được
* Đơn vị kiến thức hợp lệ khi đơn vị kiến thức thuộc khối môn đã chọn.
* Mức độ đánh giá hợp lệ khi mức độ đánh giá thuộc đơn vị kiến thức và mức độ nhận thức đã chọn.
* Là câu hỏi con của câu hỏi chùm?: đối với câu hỏi chùm, nhập câu hỏi con ngay sau câu hỏi chùm và điền “Có”
* Nội dung câu hỏi: cho phép điền chữ, ảnh, công thức toán
* Đáp án:
  + Tên đáp án là chữ in hoa và có dấu chấm ở sau, có thể bôi đậm hoặc không tùy ý, ví dụ A.
  + Nên để mỗi dòng một đáp án.
  + Không bắt buộc điền cột Đáp án đối với câu hỏi tự luận, câu hỏi chùm
  + Câu điền khuyết và kéo thả: điền Tên đáp án và nội dung. Ví dụ: A.123
  + Khi nội dung câu hỏi hoặc bên trong nội dung đáp án có ký hiệu tương tự dấu hiệu nhận diện đầu đáp án như A. hoặc B. hoặc D. hoặc Z. có thể làm cho hệ thống hiểu nhầm, người dùng cần thêm kí kiệu ~ vào giữa chữ cái in hoa và dấu chấm, ví dụ Z~.
* Đảo phương án: điền “Có” hoặc “Không”, để trống là “Có”
* Tính điểm mỗi đáp án đúng: chỉ dành cho câu Nhiều lựa chọn, Điền khuyết, Kéo thả. Điền “Có” hoặc “Không”, để trống là “Không”
* Nhóm đáp án theo từng chỗ trống: dành cho câu Kéo thả. Điền "Có" để tách nhóm các đáp án của mỗi chỗ trống. Để trống là "Không"
* Đối với câu điền khuyết có thể chọn nhiều đáp án đúng mỗi đáp án đúng ngăn nhau bởi dấu |.
* Với một số font chữ và format đặc biệt của Word, hệ thống có thể tự động thêm kí hiệu A. trước mỗi dòng đáp án, việc này không ảnh hưởng đến kết quả trích xuất dữ liệu từ file ban đầu.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại câu hỏi** | **Độ khó** | **Mức độ nhận thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Là câu hỏi con của câu hỏi chùm?** | **Nội dung câu hỏi** | **Câu trả lời** | **Đáp án đúng** | **Giải thích** | **Đảo đáp án** | **Tính điểm mỗi đáp án đúng** | **Nhóm đáp án theo từng chỗ trống** | **Mức độ đánh giá** |
|  | Một lựa chọn | Dễ | ➋ Thông hiểu |  |  | Tìm nguyên hàm của hàm số. |  | D |  | Có |  |  |  |
|  | Điền khuyết | Dễ | ➊ Nhận biết |  |  | Câu điền khuyết{a} | 1. 123|abc | A.123|abc |  |  | Không |  |  |
|  | Kéo thả | Dễ | Nhận biết |  |  | Câu kéo thả{a} | 1. 123|abc | A.123 |  |  | Có | Có |  |
|  | Câu tự luận | Dễ | Nhận biết |  |  | Câu tự luận |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Câu hỏi chùm (câu dẫn) | Dễ | Nhận biết |  |  | Câu dẫn 1222 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nhiều lựa chọn | Dễ | Nhận biết |  | Có | Tìm nguyên hàm của hàm số. |  | **A,C** |  |  |  |  |  |